

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiến Mẫn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bà Trương Thị Dung

Ông Vũ Xuân Trúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm Văn Tiên, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Văn Tiên, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Hiện anh C đang chấp hành án tại đội 18, phân trại số 1, trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và anh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C vào ngày 08/10/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời và có hành vi vi phạm pháp luật nên bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt tù, hiện nay anh C đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh tỉnh Ninh Bình. Hành vi vi phạm pháp luật của anh C là không

thể chấp nhận được; chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Văn M - Sinh ngày 26/7/2012. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị và anh C không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng; sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2012 thì anh đi chấp hành án 19 năm tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt. Anh C có quan điểm đồng ý với việc xin ly hôn của chị T. Về con chung, anh chị có một con chung như chị T trình bày là đúng, anh có nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa C bố lý do các đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời và có hành vi vi phạm pháp luật; năm 2012 anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định kết án 19 năm tù. Anh C và chị T đã ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị T được ly hôn với anh C. Về con chung, chị T và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Văn M - Sinh ngày 26/7/2012, hiện cháu M đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cũng đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy cần giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của

chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thu T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với những lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C được xác lập vào ngày 08/10/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C và chị T chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời và có hành vi vi phạm pháp luật; năm 2012 anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định kết án 19 năm tù. Anh C và chị T đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét nguyện vọng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Văn M hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M có nguyện vọng ở với mẹ, anh C đang phải chấp hành hình phạt tù và cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung, do vậy cần giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn M - Sinh ngày 26/7/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp là 300.000đ, trừ với số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001368, ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Tiến;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

**Vũ Tiến Mãn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Tiến Mãn**

